

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2021

"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Cẩm Hưng

2. Ông Phạm Đình Phú

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yên- Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10
năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào V – sinh năm 1995 “*có mặt*”

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A – sinh năm 1995 “*có mặt*”

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đào Hải Đ, sinh ngày 31/01/2017 “*vắng mặt*”

- Cháu Đào Trung H, sinh ngày 15/8/2019 “*vắng mặt*”

Người đại diện hợp pháp cho cháu Đ, cháu H: Anh V, chị A là bố mẹ đẻ
các cháu.

Đều có HKTT: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Hiện chị A cùng các con đang ở tại địa chỉ: Thôn Phương T, xã Ph, thành
phố H, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1964 “*có mặt*”

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Phương T, xã Ph, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Đào V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị A được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hiểu nhau, không chung quan điểm sống. Có thời gian Anh V làm việc ở quán Café, chị A nảy sinh ghen tuông vô cớ, nghi ngờ anh có người phụ nữ khác nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị A bỏ đi hai lần, lần thứ nhất là xin về nhà ngoại chơi, sau đó quay trở về ở được một tuần lại tiếp tục bỏ đi lần 2, khi đi mang theo con và chính thức ở nhà ngoại từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Từ thời điểm chị A bỏ đi, anh đã cùng gia đình đến nhà ngoại nói chuyện đưa chị A về đoàn tụ nhưng chị A kiên quyết không về. Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm của cả hai không còn đến nay Anh V xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này được nữa nên anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị A để cả hai ổn định cuộc sống riêng.

Chị Nguyễn Thị A có lời khai thống nhất với Anh V về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân. Tuy nhiên, theo chị A thì vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, đặc biệt là khi chị sinh con lớn Anh V có biểu hiện không chung thủy, chị phát hiện Anh V có người phụ nữ khác, đó là lý do vì sao mà Anh V bỏ bê không quan tâm đến chị, sau đó thì hai vợ chồng xảy ra cãi vã liên tục, năm 2018 chị đã phải bỏ về nhà ngoại ở nhờ và sinh cháu thứ 2 bên ngoại. Đến nay, chị xác định hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh V và chị A xác định vợ chồng có 2 con chung, cháu lớn tên Đào Hải Đ, sinh ngày 31/01/2017, cháu nhỏ tên Đào Trung H, sinh ngày 15/8/2019, cả hai đều đang ở cùng với chị A.

Quan điểm của Anh V xin được nuôi cháu Đ và nhường quyền nuôi dưỡng cháu H cho chị A vì cháu H dưới 36 tháng tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quan điểm của chị A xin được nuôi cả hai con vì hai cháu còn quá nhỏ, rất cần mẹ, chị cho rằng Anh V không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm tới con từ khi chị sinh con ra đến nay, con ốm Anh V cũng không quan tâm, tất cả đều do một mình chị lo lắng nên chị không đồng ý để Anh V nuôi con. Chị không yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con vì trước đến nay chị vẫn lo được cho các cháu rất tốt.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Trần Thị M là mẹ đẻ của Anh V trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do chị A nghi ngờ Anh V có người phụ nữ khác nên đã bỏ về nhà ngoại ở, lần đầu có xin phép bà sau đó chị A về ở được 10 ngày lại bỏ đi lần 2, lần đi sau thì không xin phép bà và mang theo cháu Đào Hải Đ. Bà có đến gia đình thông gia nói chuyện xin cho chị A về nhưng chị A không quay về. Bà đến thăm nom cháu được 3 tháng đầu sau đó đến thăm thì gặp sự phản đối của gia đình thông gia, từ chối nhận quà cho cháu và có lời lẽ xúc phạm bà nên bà không đến nữa. Về phía Anh V đến thăm con thì ông bà thông gia mắng chửi nên Anh V không dám vào thăm con. Bà thấy rằng đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng Anh V, chị A đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, hai bên gia đình cũng không còn suy nghĩ tốt về nhau nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho hai anh chị ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ chị A trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng Anh V, chị A là do Anh V làm việc ở quán Cafe có quen với người con gái khác nên thay đổi tính nết, thay đổi tình cảm với con gái bà, Anh V vô trách nhiệm với vợ con, khi chị A sinh cháu thứ 2 Anh V bỏ mặc chị A, chưa bao giờ đến thăm con khiến gia đình bà và chị A vô cùng uất ức. Việc bà M đến thăm nom là bà nội thăm cháu không liên quan đến Anh V. Bà đề nghị Tòa án xem xét cho chị A nuôi dưỡng cả hai con vì lý do Anh V không có trách nhiệm với vợ, không quan tâm, không có trách nhiệm nuôi dưỡng con nên không có quyền nuôi con.

Xác minh tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh V và chị A có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, về tình trạng hôn nhân giữa Anh V và chị A, UBND xã được biết quá trình vợ chồng chung sống có nảy sinh mâu thuẫn, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2018, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Đào V có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị A thì quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất Anh V và chị A về mặt tình cảm thống nhất thỏa thuận tình ly hôn, về con anh chị không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh V và chị A trình bày: Tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên thuận tình ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; Về nuôi con chung: Anh V xin nuôi cháu Đ, chị A xin nuôi cả hai cháu; Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, các thủ tục tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về tình cảm: Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Giao cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cho chị A; giao cháu Đ cho Anh V trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Đào V có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị A có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên; hiện tại chị A đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Phương T, xã Ph, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nhưng xác minh tại Công an xã Ph thể hiện chị A không có đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên, đồng thời lấy lời khai của chị A, quan điểm của chị nhất trí giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị và Anh V tại Tòa án nhân dân huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào V và chị Nguyễn Thị A được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau thường xuyên cãi vã, hôn nhân không có hạnh

phúc. Hai bên chung sống không tin tưởng nhau, nghi kỵ về tình cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Chị A và gia đình chị A cho rằng Anh V là người vô trách nhiệm, bỏ mặc vợ con khiến chị phải bỏ về nhà ngoại sinh sống. Sự việc xảy ra hai bên gia đình đều biết, có gặp gỡ, nói chuyện nhưng mâu thuẫn không những không được hóa giải mà quan hệ giữa vợ chồng và giữa hai gia đình thông gia càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, cả hai đều xác định không còn tình cảm, vợ chồng không đoàn tụ được và nhất trí ly hôn nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Đào Hải Đ, sinh ngày 31/01/2017 và cháu Đào Trung H, sinh ngày 15/8/2019.

Xét yêu cầu Anh V xin được nuôi dưỡng cháu Đ HĐXX thấy: Vợ chồng anh chị có hai con chung, Anh V có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập ổn định hàng tháng, có chỗ ở, có nguyện vọng được nuôi cháu, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình vợ chồng bình đẳng và ngang nhau trong cách nuôi dạy con chung nên HĐXX thấy yêu cầu của Anh V là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu xin nuôi hai con chung của chị A thì HĐXX thấy: Hiện tại chị đi làm từ 6 giờ sáng đến 18 giờ cùng ngày mới về, hai con đều để cho ông bà ngoại nuôi, mặc dù chị có thu nhập, có chỗ ở nhưng xét đến nhu cầu của các con như nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy bảo các cháu hàng ngày, để chị A nuôi hai cháu sẽ không đảm bảo về mọi mặt, nên HĐXX sẽ giao cháu Đào Trung H cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật.

HĐXX sẽ giao mỗi cháu cho một bên anh chị nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu tròn 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Đào V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào V và chị Nguyễn Thị A.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Đào Hải Đ, sinh ngày 31/01/2017 cho anh Đào V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giáo dục đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi

Giao cháu Đào Trung H, sinh ngày 15/8/2019 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giáo dục đến khi cháu H tròn 18 tuổi

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: các đương sự không đề nghị giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Đào V phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000657 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P (CNKH số 11/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc